

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

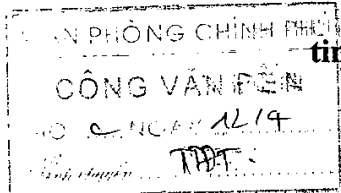
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2013/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 2901.....
	Ngày: 15/4.....



**Ban hành Quy định về quản lý và vận hành mạng
tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 897/CT-TTg ngày 10/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin số;

Căn cứ Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tiền Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và vận hành mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 33/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định về quản lý và khai thác mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Vụ Pháp chế - Bộ TT&TT;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Ủy Ban MTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Website tỉnh; Công báo tỉnh;
- VPUB: CVP, các PVP và các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, Sơn. *CL*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *lam*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Minh Điều

QUY ĐỊNH

**Về quản lý và vận hành mạng tin học diện rộng
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang**

*(Ban hành kèm theo theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 4 năm 2013 của UBND tỉnh Tiền Giang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quyền hạn và nghĩa vụ của cán bộ công chức, viên chức, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là cá nhân, đơn vị) tham gia quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ an toàn, an ninh thông tin trên mạng tin học hóa quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (gọi tắt là mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng cục bộ (LAN - Local Area Network): là một hệ thống mạng bao gồm các máy tính và các thiết bị ngoại vi được kết nối với nhau thông qua các thiết bị mạng để chia sẻ tài nguyên như thông tin, dữ liệu, phần mềm và các thiết bị ngoại vi;
2. Mạng tin học diện rộng (mạng WAN) của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang là mạng tin học được thiết lập bằng cách kết nối giữa Trung tâm tích hợp dữ liệu và các hệ thống dữ liệu tập trung của tỉnh Tiền Giang với các mạng nội bộ (mạng LAN) của các cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh thông qua mạng viễn thông; đồng thời kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh; trao đổi thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ và công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh;
3. Dịch vụ mạng: là dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng máy tính nhằm giúp người sử dụng truy nhập và sử dụng chung các tài nguyên trên mạng;
4. Cơ sở dữ liệu (database): là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử. Quản trị cơ sở dữ liệu là: quản lý việc cập nhật; bổ sung mới dữ liệu, bảo mật, sao lưu bảo toàn dữ liệu; khai báo phân quyền khai thác dữ liệu cho các đối tượng người dùng;
5. Hệ thống địa chỉ sử dụng để giao tiếp trên mạng bao gồm: địa chỉ IP công cộng (public IP) để giao tiếp với mạng ngoài, mạng Internet; địa chỉ IP

dùng riêng (private IP) để giao tiếp giữa các máy tính trong mạng cục bộ và các máy tính trong hệ thống mạng diện rộng của tỉnh;

6. Hệ thống tên miền bao gồm: tên miền tiengiang.gov.vn, các tên miền cấp con (subdomain) của tên miền tiengiang.gov.vn và các tên miền cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã đăng ký bảo vệ.

Điều 3. Khai thác, sử dụng mạng tin học diện rộng

Cá nhân, đơn vị tùy theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tham gia sử dụng mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh được quyền truy cập trực tuyến, được quyền khai thác các cơ sở dữ liệu theo phân quyền truy cập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và được quyền khai thác toàn bộ các dịch vụ của mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng mạng tin học diện rộng

1. Cá nhân, đơn vị khi tham gia vào mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh phải tuân thủ mọi quy định, quy trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; phải thường xuyên cập nhật, khai thác và sử dụng trao đổi thông tin trên mạng;

2. Tuân thủ quy định về phân quyền sử dụng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu trên mạng theo cấp quản lý;

3. Tuân thủ các quy định về cập nhật và khai thác thông tin trên mạng;

4. Tuân thủ các hướng dẫn sử dụng thiết bị vi tính trên mạng;

5. Không được tự ý thay đổi, sửa chữa những thông số mạng. Trường hợp cần thay đổi, sửa chữa phải được sự đồng ý của cơ quan làm đầu mối quản lý mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Dịch vụ của mạng tin học diện rộng

Các dịch vụ của mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

1. Cung cấp, khai thác trực tuyến các kho dữ liệu, tài nguyên tính toán, phần mềm dùng chung;

2. Cung cấp các dịch vụ công và nội dung thông tin, dữ liệu theo yêu cầu;

3. Truyền, nhận tập tin, thông tin văn bản, dữ liệu, đa phương tiện;

4. Thư điện tử;

5. Cung cấp các dịch vụ ảo hóa (như máy chủ,...);

6. Dịch vụ khác.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý mạng tin học diện rộng bao gồm:

1. Quản lý tài nguyên mạng máy tính của tỉnh theo các tiêu chuẩn kỹ thuật về dữ liệu và thông số mạng phù hợp với các tiêu chuẩn chung về mạng máy tính theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

2. Hướng dẫn và hỗ trợ nghiệp vụ cho cá nhân, đơn vị khai thác mạng máy tính của tỉnh;

3. Hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến việc quản lý và khai thác tài nguyên mạng diện rộng của tỉnh;

4. Hướng dẫn các đơn vị trong tỉnh thống nhất kết nối vào mạng diện rộng của tỉnh; tham mưu kết nối hệ thống mạng diện rộng của tỉnh với mạng diện rộng của Chính phủ, mạng diện rộng của Tỉnh ủy và mạng ngoài khác;

5. Lựa chọn công nghệ và triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh cho các tài nguyên mạng diện rộng của tỉnh;

6. Giám sát mạng diện rộng của tỉnh, phát hiện các hành vi sử dụng mạng trái phép, các lỗi kỹ thuật, tăng cường đảm bảo tính an toàn, an ninh, tính tin cậy và sẵn sàng hoạt động của mạng diện rộng của tỉnh;

7. Quản lý và quy hoạch các tài nguyên trên mạng máy tính của tỉnh, phân bổ và cấp phát các tài nguyên này cho các đơn vị và cá nhân thuộc tỉnh theo nhu cầu và khả năng đáp ứng;

8. Tiếp nhận thông tin, xử lý các sự cố và các yêu cầu liên quan đến gia nhập, khai thác tài nguyên mạng máy tính của các đơn vị và cá nhân thuộc tỉnh, báo cáo lãnh đạo tỉnh và phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý khi có các sự cố mạng xảy ra;

9. Quy hoạch danh sách người sử dụng và hệ thống phân quyền truy nhập thông tin;

10. Căn cứ vào kế hoạch hàng năm và chiến lược phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của tỉnh để lập và trình lãnh đạo tỉnh các kế hoạch đào tạo, bảo trì, các phương án, dự án mở rộng, thay thế và nâng cấp tài nguyên mạng diện rộng của tỉnh;

11. Quản lý các phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng hợp pháp, phần mềm dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành được cài đặt trên mạng diện rộng của tỉnh; đề xuất triển khai, nâng cấp phần mềm theo các quy định và định hướng quản lý của Nhà nước và của ngành;

12. Thông báo cho người sử dụng biết khi dừng tạm thời hoạt động của từng loại dịch vụ mạng hoặc của cả mạng máy tính của tỉnh để nâng cấp mở rộng mạng, khắc phục sự cố hoặc bảo dưỡng định kỳ;

13. Chủ trì phối hợp với các bên liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ trên tất cả các máy tính, mạng LAN có tham gia mạng diện rộng của tỉnh. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện đơn vị, cá nhân vi phạm quy chế hoặc các quy định về khai thác mạng diện rộng của tỉnh, tùy theo mức độ vi phạm Sở Thông tin và Truyền thông sẽ tạm ngưng quyền khai thác của đơn vị, cá nhân và có văn bản báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hoặc đề nghị các cơ quan chức năng xử lý theo pháp luật hiện hành;

14. Nhắc nhở, tạm ngừng cung cấp dịch vụ, trường hợp nghiêm trọng có thể thu hồi tài nguyên mạng và báo cáo các cấp có thẩm quyền để xử lý đối với các đơn vị và cá nhân vi phạm các nguyên tắc quản lý và khai thác tài nguyên mạng diện rộng của tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm của Trung tâm Tin học thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đối với hệ thống và An ninh mạng:

- Quản trị vận hành kỹ thuật hệ thống Trung tâm Tích hợp dữ liệu, mạng LAN của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Phối hợp cơ quan làm đầu mối tham mưu xây dựng các giải pháp kỹ thuật tích hợp hệ thống và an ninh mạng;

- Phối hợp cơ quan làm đầu mối giám sát về kỹ thuật các hoạt động trên mạng diện rộng của tỉnh, phát hiện các hành vi sử dụng mạng không hợp lệ, xử lý các lỗi kỹ thuật, phòng chống Virus, thư rác, tăng cường đảm bảo tính an toàn, an ninh, tính tin cậy và sẵn sàng hoạt động của mạng diện rộng của tỉnh; phối hợp với cơ quan đầu mối, các cơ quan chức năng xử lý các hành vi tấn công hệ thống trái phép;

- Hướng dẫn, hỗ trợ nghiệp vụ cho các đơn vị, cá nhân khai thác mạng diện rộng tỉnh;

- Phối hợp với cơ quan đầu mối tổ chức quản lý kỹ thuật, xây dựng các cổng thành viên và vận hành cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2. Đối với các dịch vụ mạng:

- Quản trị và vận hành hệ thống thư điện tử Tiền Giang, phối hợp với các đơn vị thực hiện cung cấp, tạo lập, xóa, thay đổi, hiệu chỉnh người dùng tham gia sử dụng thư điện tử;

- Phối hợp với cơ quan làm đầu mối xây dựng các mô hình cung cấp tổ chức các dịch vụ điều hành tác nghiệp, dịch vụ công trên cổng thông tin điện tử hoạt động trong môi trường mạng diện rộng của tỉnh và Internet;

- Xử lý các sự cố, các yêu cầu liên quan đến việc gia nhập, khai thác tài nguyên mạng máy tính của các đơn vị và cá nhân thuộc tỉnh, báo cáo với cơ quan đầu mối và phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý khi có các sự cố xảy ra;

- Quản trị các phần mềm hệ thống, quản trị hệ thống các cơ sở dữ liệu trên máy chủ tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh bao gồm: bảo vệ, bảo mật dữ liệu, tổ chức định kỳ sao lưu dữ liệu, phân cấp phân quyền khai thác dữ liệu từ các mạng LAN thành viên.

Điều 8. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị tham gia vào mạng tin học diện rộng

1. Quản lý toàn bộ mạng LAN, mạng WAN tại đơn vị trực thuộc về trang thiết bị vi tính, cơ sở dữ liệu; thực hiện các giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn mạng để tổ chức, cung cấp thông tin cho chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và khai thác sử dụng thông tin phục vụ nhiệm vụ được giao;

2. Xây dựng quy chế quản lý, vận hành mạng của cơ quan, bảo đảm an toàn thông tin; áp dụng, hướng dẫn và kiểm tra định kỳ việc thực hiện các biện pháp bảo đảm cho hệ thống thông tin trên mạng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin; bố trí bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin làm nhiệm vụ quản trị hệ thống mạng của cơ quan gồm: quản trị mạng và quản lý các thiết bị vi tính, quản trị các cơ sở dữ liệu, quản lý các phần mềm và thông tin trên mạng;

3. Chịu trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức thông tin và tính chính xác của thông tin khi cập nhật và truyền trên mạng diện rộng. Cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, cán bộ quản trị mạng tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về quản lý, quản trị mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức, hoặc cử đi đào tạo nghiệp vụ quản trị mạng theo các chương trình phù hợp;

4. Khi luân chuyển cán bộ quản trị mạng sang bộ phận khác, phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin quản lý, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và khắc phục được hệ thống mạng khi có sự cố xảy ra, không làm ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả công việc tại đơn vị;

5. Trường hợp các đơn vị muốn triển khai, cài đặt các phần mềm chuyên ngành trên hệ thống mạng diện rộng của tỉnh theo hệ thống từ tỉnh đến huyện, thị, thành, xã, phường, thị trấn (nếu có) để giảm chi phí đầu tư, đơn vị chủ trì phải có văn bản với cơ quan làm đầu mối quản lý mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong đó cần nêu rõ về mục đích yêu cầu, giải pháp kỹ thuật, yêu cầu cấu hình thiết bị, quy trình vận hành, biện pháp khắc phục sự cố. Khi được cơ quan làm đầu mối quản lý mạng có ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt mới được triển khai.

Điều 9. Trách nhiệm của bộ phận quản trị mạng tại đơn vị mạng thành viên

1. Đảm bảo cho mạng của cơ quan hoạt động thông suốt;

2. Đảm bảo sự kết nối thông suốt mạng của cơ quan với mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh; nếu xảy ra sự cố phải báo ngay cho cơ quan làm đầu mối quản lý mạng để kịp thời phối hợp tìm biện pháp xử lý;

3. Máy chủ tại các mạng thành viên kết nối trực tiếp vào mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh phải tạo lập chế độ lưu giữ thông tin. Khi máy hỏng hay cần sửa chữa thay thế phải thực hiện các biện pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn về thông tin và báo cáo cho cơ quan làm đầu mối quản lý mạng;

4. Quản lý đường truyền, các thiết bị vi tính (phần cứng, Hub, Switch, Connector, firewall, UPS,...), cơ sở dữ liệu. Phòng chống virus trên mạng, kiểm tra, xử lý những máy vi tính bị nhiễm virus nặng không để lây nhiễm sang các máy vi tính trên mạng;

5. Hàng năm, lập kế hoạch bảo trì các trang thiết bị vi tính; thực hiện thay thế, bổ sung những thiết bị vi tính đã hết hạn sử dụng hoặc hư hỏng phải thay thế; thay đổi vị trí lắp đặt các thiết bị vi tính trên mạng do mình quản lý khi có nhu cầu, được thủ trưởng đơn vị chấp thuận và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan làm đầu mối quản lý mạng;

6. Không tự ý thay đổi thiết bị bảo mật, các chính sách bảo mật được áp đặt chung cho hệ thống mạng diện rộng được lắp đặt tại đơn vị mình quản lý. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng, an ninh và bảo mật thông tin trong các hoạt động về công nghệ thông tin theo các quy định hiện hành của Bộ Công an và Ủy ban nhân dân tỉnh;

7. Cấp và quản lý quyền truy nhập mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh cho tất cả những người sử dụng do đơn vị trực tiếp quản lý theo quy định;

8. Quản trị các cơ sở dữ liệu gồm: cơ sở dữ liệu dùng chung của đơn vị và phần cơ sở dữ liệu của mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh được phân quyền quản lý;

9. Quản lý, vận hành các phần mềm hệ thống, các phần mềm tác nghiệp của đơn vị và các phần mềm dùng chung trên mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh;

10. Lập sổ nhật ký kỹ thuật theo dõi quá trình hoạt động của máy chủ, các thiết bị kết nối mạng tại đơn vị tham gia kết nối mạng diện rộng.

Điều 10. Trách nhiệm của cá nhân tại đơn vị mạng thành viên

1. Chịu trách nhiệm quản lý các trang thiết bị vi tính được giao và được quyền sử dụng các trang thiết bị theo đúng quy định. Trong quá trình sử dụng nếu xảy ra sự cố gây hư hỏng trang thiết bị, đường truyền thì phải ghi lại nguyên nhân và báo cáo cho bộ phận quản trị mạng của đơn vị biết để tìm biện pháp xử lý;

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và chế độ phân quyền được giao tại đơn vị, các cá nhân phải thường xuyên theo dõi, gửi và nhận, xử lý văn bản điện tử trên môi trường mạng;

3. Được quyền khai thác, sử dụng các tài nguyên trên mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh (cơ sở dữ liệu, phần mềm, thông tin chỉ đạo, điều hành của tỉnh và các thông tin khác) theo đúng quyền hạn do Thủ trưởng đơn vị quy định và được bộ phận quản trị hệ thống mạng của đơn vị khai báo, phân quyền truy nhập thông tin trên mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

4. Các cá nhân khi tham gia vào mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh phải tuân thủ quy định của đơn vị và hướng dẫn của cơ quan làm đầu mối quản lý mạng tin học diện rộng hoặc cán bộ quản trị mạng tại đơn vị. Có trách nhiệm bảo quản thiết bị vi tính, mọi dữ liệu tải từ Internet hoặc đĩa mềm, USB khi cắm vào máy tính nối mạng phải được quét virus trước khi sử dụng. Những máy tính bị nhiễm virus nặng, phải nhanh chóng tách khỏi mạng để tránh tình trạng lây nhiễm sang các máy tính khác và phải được xử lý khắc phục trong thời gian ngắn nhất do thủ trưởng đơn vị quy định. Khi không làm việc với máy tính trong thời gian dài, phải thoát khỏi phiên làm việc hoặc đặt chế độ chờ (Standby), chế độ bảo vệ màn hình để đảm bảo an toàn cho thiết bị. Tắt mở máy vi tính phải theo đúng quy trình kỹ thuật về sử dụng máy vi tính;

5. Không được khai thác và lưu trữ các dữ liệu, thông tin trên mạng Internet không liên quan đến nghiệp vụ, các chương trình giải trí chiếm nhiều băng thông đường truyền, thông tin có nội dung xấu, không lành mạnh; không thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác trên môi trường mạng mà không được sự đồng ý của người đó;

6. Không được truy nhập trái phép vào máy tính, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu không thuộc thẩm quyền, phân cấp cho mình; không thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn chặn việc truy nhập thông tin hoặc loại bỏ thông tin trái pháp luật theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; không cung cấp, trao đổi, truyền đưa hoặc lưu trữ, sử dụng thông tin số để chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân, kích động mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác;

7. Phải tuân thủ các quy định cụ thể về truy nhập, khai thác sử dụng máy vi tính do bộ phận quản trị mạng đề xuất và được Thủ trưởng đơn vị chấp thuận.

Chương III

CUNG CẤP VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN TRÊN MẠNG

Điều 11. Thông tin truyền nhận trên mạng tin học diện rộng

Thông tin trên mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm các thể loại thông tin, văn bản điện tử phục vụ hoạt động quản lý hành chính, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh và hoạt động của cán bộ công chức, viên chức nhà nước về các lĩnh vực chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và trật tự xã hội bao gồm:

1. Công báo, các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, chỉ đạo, điều hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan hành chính, sự nghiệp khác;
2. Các báo cáo định kỳ và đột xuất;
3. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội;
4. Thông tin chuyên đề về kinh tế, khoa học công nghệ, văn hoá, xã hội;
5. Lịch làm việc của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, của lãnh đạo các đơn vị thuộc tỉnh;
6. Thư điện tử trao đổi công tác;
7. Các dữ liệu theo yêu cầu của các cơ sở dữ liệu dùng chung;
8. Các thông tin được phép lưu chuyển công khai theo các quy định của pháp luật hiện hành;
9. Các thông tin khác trong việc thực thi nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 12. Hình thức truyền nhận văn bản trên mạng diện rộng

Văn bản truyền nhận trên mạng diện rộng phải đảm bảo như sau:

1. Các thể loại văn bản (văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính) của các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh gửi nhận qua mạng diện rộng phải đúng thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định về công tác văn thư - lưu trữ hiện hành;
2. Văn bản điện tử đúng hình thức, thể thức và kỹ thuật trình bày, được phát hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định, thực hiện truyền nhận qua mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh đến các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành xử lý tình huống tác nghiệp hành chính của cơ quan, cán bộ, công chức;
3. Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh sao y và thực hiện truyền nhận văn bản điện tử qua mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh đến các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan để triển khai thực hiện, không gửi văn bản giấy.

Điều 13. Quy chuẩn công nghệ thông tin áp dụng trên mạng diện rộng

Phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật về kết nối hệ thống, tích hợp dữ liệu, đặc tả dữ liệu và truy xuất thông tin theo quy định tại thông tư số 01/2011/TT-

BTTTT ngày 04/01/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Công bố Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng Công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

Điều 14. Khai thác thông tin trên mạng diện rộng

Hằng ngày, cán bộ công chức, viên chức thuộc các đơn vị tham gia mạng diện rộng có trách nhiệm truy cập vào mạng diện rộng để khai thác thông tin phục vụ công tác; thực hiện việc gửi, nhận, trao đổi văn bản, giấy tờ hành chính thông qua mạng nhằm hạn chế từng bước việc dùng văn bản, giấy tờ hành chính trong truyền đạt thông tin, giải quyết công việc có liên quan.

Văn bản đã được lãnh đạo duyệt, ký tên, đóng dấu, cho số công văn và lưu gốc tại đơn vị được scan (quét) truyền trên hệ thống mạng diện rộng của tỉnh có giá trị tương đương văn bản gốc (theo Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007) trong giao dịch giữa các cơ quan nhà nước. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm nghiêm chỉnh thực hiện khi nhận được các văn bản này.

Chương IV

BẢO MẬT AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN MẠNG

Điều 15. Tổ chức vận hành mạng tin học diện rộng

1. Mạng của đơn vị khi tham gia mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh đều phải đảm bảo về quy định kỹ thuật an toàn mạng (có bức tường lửa và các phương tiện bảo mật khác). Việc kết nối vào mạng Internet với mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh phải tuân theo quy định hiện hành của Chính phủ và các quy định tại quy định này;

2. Tất cả các máy trạm khai thác thông tin trên mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh đều phải tạo lập chế độ lưu giữ thông tin theo phân cấp quy định;

3. Việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị vi tính (phần cứng, kể cả máy tính xách tay) của các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc tỉnh Tiền Giang (trừ thiết bị ngoại vi) phải do bộ phận quản trị hệ thống của đơn vị xử lý hoặc nhờ sự tư vấn, hỗ trợ của cơ quan làm đầu mối quản lý mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện, không được tự ý thuê mượn các đơn vị bên ngoài;

4. Khi mạng của đơn vị có nhu cầu kết nối, mở rộng thêm máy trạm mới do đơn vị thực hiện, phải thực hiện đúng theo thiết kế hệ thống chung đã được phân cấp quản lý nhằm đảm bảo việc kết nối được ổn định cho người sử dụng;

5. Đơn vị phải bố trí máy vi tính riêng, không kết nối mạng nội bộ và mạng Internet dùng để quản lý, soạn thảo văn bản, tài liệu mật và phân công cụ thể cán bộ chịu trách nhiệm, quản lý, lưu trữ theo chế độ bảo mật đúng quy định của Nhà nước.

Điều 16. Trách nhiệm của quản trị mạng và người sử dụng về thông tin dữ liệu

1. Các thông tin dữ liệu lưu giữ trên mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được định kỳ sao chép trên thiết bị sao lưu dự phòng và lưu trữ theo quy định lưu trữ hiện hành của Nhà nước;

2. Bộ phận quản trị hệ thống mạng tin học diện rộng phải phân công trực thường xuyên kiểm tra hoạt động các phần mềm hệ thống và phần mềm dùng chung trên mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh để phát hiện các sự cố (nhất là virus) và tìm giải pháp khắc phục;

3. Các cá nhân, đơn vị khi tham gia vận hành mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh phải nghiêm chỉnh chấp hành chế độ bảo mật, an toàn, an ninh thông tin đồng thời chịu trách nhiệm đối với các thông tin mà mình cung cấp; không được lợi dụng mạng máy vi tính để hoạt động gây nguy hại đến an ninh quốc gia; tiết lộ bí mật của Nhà nước, không được lợi dụng mạng để thiết lập, tra cứu, tái bản và tuyên truyền những thông tin ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và thuần phong mỹ tục Việt Nam;

4. Không cho phép bất cứ hành vi nào của người sử dụng gây tổn hại đến dịch vụ và hư hỏng thiết bị mạng; cung cấp thông tin không trung thực để công bố trên mạng, phát tán virus máy tính; sử dụng mạng để thâm nhập vào các mạng máy vi tính khi chưa được phép;

5. Không đưa các thông tin có nội dung "mật", "tối mật" và "tuyệt mật" lên hệ thống mạng;

6. Không được tự ý cài đặt các chương trình phần mềm, các giải pháp kỹ thuật làm ảnh hưởng đến các phần mềm dùng chung đã được cài đặt. Không được tự ý xóa bỏ hoặc can thiệp vào bất kỳ phần mềm nào đã được quy định cài đặt trên hệ thống mạng diện rộng của tỉnh khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của cấp có thẩm quyền;

7. Tuyệt đối bảo mật các thông số kỹ thuật và các mật khẩu của hệ thống. Không được tiết lộ mật khẩu kết nối mạng, chương trình của đơn vị, cá nhân cho bất kỳ người sử dụng nào ngoài phạm vi được ủy quyền; không tìm hiểu mật khẩu máy của cá nhân, tổ chức khác. Chịu trách nhiệm về bảo mật các thông số, mật khẩu trên máy làm việc của mình;

8. Thủ trưởng đơn vị quyết định bằng văn bản phân công cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại đơn vị, trong đó quy định trách nhiệm về an toàn cơ sở hạ tầng, an ninh thông tin trên mạng. Hồ sơ cán bộ chuyên trách này phải được báo cáo đơn vị quản lý Nhà nước chuyên ngành về công nghệ thông tin của tỉnh;

9. Các mạng thành viên và người sử dụng phải chịu sự kiểm tra, giám sát theo pháp luật của cơ quan làm đầu mối quản lý mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương V

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Khen thưởng

Cá nhân, đơn vị khi quản lý, vận hành, sử dụng mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh phục vụ công tác quản lý hành chính nhà nước đạt hiệu quả cao được khen thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Cá nhân, đơn vị vi phạm các quy định về quản lý mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân tỉnh, gây hư hỏng thiết bị, để mất thông tin dữ liệu, tiết lộ nội dung mật, các thông số mạng, mật mã hoặc có hành vi gây thiệt hại cho việc quản lý, vận hành mạng và vi phạm Quy định này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Hướng dẫn, triển khai, theo dõi thực hiện Quy định này tại các cơ quan nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh, tiếp nhận và xử lý các vướng mắc phát sinh; báo cáo định kỳ cho Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo công nghệ thông tin tỉnh.

2. Nghiên cứu, đề xuất về công tác chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các biện pháp phát triển mạng, xác định chuẩn công nghệ thông tin và truyền thông, đảm bảo hoạt động an toàn trên mạng; đồng thời kiểm tra, khảo sát việc thực hiện tại các cơ quan Nhà nước, nắm bắt kịp thời tình hình thuận lợi, khó khăn tại các mạng thành viên; Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và kế hoạch phát triển công nghệ thông tin hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 20. Trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị định số 64/2007/NĐ-CP, ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và quy định này.

2. Hằng năm, các đơn vị lập dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin (về chi đầu tư xây dựng và chi vốn sự nghiệp), theo quy định tại Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BTC-BTTTT ngày 26/5/2008 của Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí

chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Công nghệ thông tin, Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Về chi hoạt động thường xuyên phục vụ cho quản lý vận hành hệ thống mạng của cơ quan, Thủ trưởng đơn vị lập dự toán tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị. Sở Tài chính tổng hợp cân đối ngân sách trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Các quy định về quản lý mạng của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập các cấp trên địa bàn tỉnh đều phải phù hợp với Quy định này.

2. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện những điểm chưa phù hợp, hoặc Trung ương có quy định mới thì Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH 
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Minh Điều